

## PHẦN MỞ ĐẦU



### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong điều kiện kinh doanh ngày nay buộc các doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để tăng sức cạnh tranh, mở rộng và phát triển thị trường. Thông tin kế toán quản trị đầy đủ và linh hoạt gắn với nhu cầu quản lý của doanh nghiệp được coi là không thể thiếu, nhất là trong điều kiện kinh tế hiện nay ở nước ta đã gia nhập AFTA hầu như toàn phần và đang trong quá trình gia nhập WTO.

Cách tính giá thành truyền thống dựa vào việc phân bổ theo chi phí trực tiếp không bảo đảm sự chính xác khi mà chi phí trực tiếp không còn chiếm một tỉ lệ đáng kể như trước nữa. Để khắc phục các nhược điểm của hệ thống tính giá truyền thống, một phương pháp tính giá mới ra đời đó là hệ thống tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC – Activities Based Costing).

Chính vì điều đó, việc áp dụng một phương pháp tính giá đảm bảo cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác, phục vụ cho yêu cầu quản lý là vấn đề cấp thiết cho các doanh nghiệp. Hơn nữa, phương pháp ABC còn có thể giúp cho các doanh nghiệp quản trị dựa trên hoạt động, đây là cơ sở để xác định hoạt động nào tạo ra giá trị hay không tạo ra giá trị, từ đó cải tiến nâng cao hiệu hoạt động của doanh nghiệp. Với mong muốn hoàn thiện hơn công tác tính giá thành cho sản phẩm may của công ty. Tôi hy vọng rằng đề tài Vận dụng phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động tại Công ty Cổ phần May Núi Thành – Quảng Nam có ý nghĩa thiết thực cho Công ty Cổ phần May Núi Thành.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài**

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến phương pháp tính giá ABC, phân tích những đặc điểm của quá trình sản xuất tại Công ty.

Định hướng việc ứng dụng lý thuyết này vào việc hoàn thiện hệ thống kế toán chi phí và nêu ra phương hướng, đề xuất các giải pháp để vận dụng phương pháp tính giá ABC tại Công ty Cổ phần May Núi Thành.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **❖ *Đối tượng nghiên cứu:***

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm may như: Áo, quần của ngành may mặc.

### **❖ *Phạm vi nghiên cứu:***

Vận dụng phương pháp tính giá tại Công ty Cổ phần May Núi Thành.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp khảo sát, phân tích, hệ thống hóa, tổng hợp... sử dụng nguồn số liệu từ việc trực tiếp quan sát toàn bộ quy trình hoạt động tại đơn vị và tiến hành phỏng vấn những người có liên quan, minh họa bằng các số liệu.

Ngoài ra, thông tin từ các giáo trình, các tạp chí, internet cũng được sử dụng để bổ sung những thông tin cần thiết.

## **5. Bố cục của luận văn**

Luận văn gồm 3 chương, có kết cấu như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC).

Chương 2: Quá trình sản xuất sản phẩm và công tác tính giá thành tại Công ty Cổ phần May Núi Thành – Quảng Nam.

Chương 3: Vận dụng phương pháp tính giá ABC tại Công ty Cổ phần May Núi Thành – Quảng Nam.

## **6. Tổng quan về đề tài nghiên cứu:**

Để viết được đề tài này, tác giả đã đọc, kế thừa một số giáo trình và luận văn của một số tác giả sau:

- Một số giáo trình tham khảo:

[1] PGS.TS. Phạm Văn Dược (2006), Kế toán quản trị, NXB thống kê, Thành phố HCM.

[2] Khoa kế toán – kiểm toán, trường Đại học kinh tế TP HCM (2002), Kế toán quản trị, NXB thống kê, Thành phố HCM.

[3] GS.TS. Trương Bá Thanh, Kế toán quản trị, Đại học Kinh Tế Đà Nẵng (2008).

- Liên quan đến đề tài được chọn của tác giả có những đề tài sau:

\* Trần Thị Uyên Phương (2008), Vận dụng phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC) tại Công ty Cơ khí Ô tô và thiết bị Điện Đà Nẵng, Luận văn Thạc sỹ, trường Đại học kinh tế Đà Nẵng.

\* Trần Minh Hiền (2008), Vận dụng lý thuyết ABC để hoàn thiện hệ thống kế toán chi phí tại công ty Điện tử Samsung Vina, Luận văn Thạc sỹ, trường Đại học kinh tế Thành phố HCM.

\* Nguyễn Thị Bích Lài (2010), Vận dụng phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC) cho ngành may – Trường hợp công ty cổ phần may Trường Giang Quảng Nam, Luận văn Thạc sỹ, trường Đại học kinh tế Đà Nẵng.

## **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ DỰA TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG (ABC)**

### **1.1. KHÁI QUÁT VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ DỰA TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG**

#### **1.1.1. Sự hình thành phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động**

Theo Krumwiede và Roth (1997) phương pháp ABC là một hệ thống kế toán quản trị tập trung đo lường chi phí, các hoạt động, sản phẩm, khách hàng và các đối tượng chi phí. Phương pháp này phân bổ chi phí cho các đối tượng chi phí dựa trên số lượng hoạt động sử dụng bởi đối tượng chi phí đó.

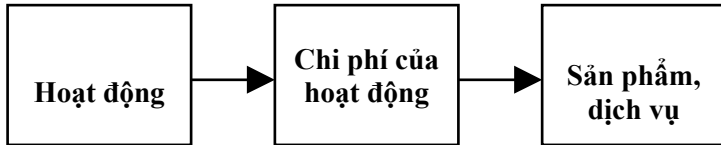
Theo Horngren (2000) phương pháp ABC là sự cải tiến của phương pháp tính giá truyền thống bằng việc tập trung vào các hoạt động cụ thể như là các đối tượng chi phí cơ bản. Hệ thống ABC tập hợp chi phí cho từng hoạt động và phân bổ chi phí cho từng sản phẩm hoặc dịch vụ dựa trên hoạt động được tiêu dùng bởi sản phẩm hay dịch vụ đó.

Theo Maher (2001) cho rằng ABC là công cụ quản trị dựa trên hoạt động, trước hết, chi phí được phân bổ cho các hoạt động, sau đó sẽ phân bổ cho từng sản phẩm, dịch vụ dựa trên các hoạt động mà sản phẩm hay dịch vụ đã tiêu dùng. Quản trị dựa trên hoạt động sẽ tìm kiếm sự cải tiến không ngừng. ABC cung cấp thông tin về hoạt động và nguồn lực cần thiết để thực hiện chúng. Vì thế, ABC không chỉ đơn thuần là quá trình phân bổ chi phí.

Ta có thể thấy rằng mỗi học giả có khái niệm khác nhau nhưng nhìn chung phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động là phương

pháp tính giá mà việc phân bổ các chi phí gián tiếp cho các sản phẩm, dịch vụ dựa trên mức độ hoạt động của chúng.

Phương pháp ABC có thể được trình bày như sau:



*Sơ đồ 1.1: Phương pháp ABC*

### **1.1.2. Đặc điểm của phương pháp ABC**

Phương pháp ABC phân bổ chi phí vào giá thành sản phẩm dựa trên mối quan hệ nhân quả giữa chi phí - hoạt động - sản phẩm. Kết quả là giá thành sản phẩm phản ánh chính xác hơn mức chi phí thực tế kết tinh trong mỗi đơn vị sản phẩm.

## **1.2. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP ABC**

### **1.2.1. Xác định các hoạt động chính**

### **1.2.2. Tập hợp trực tiếp chi phí vào các hoạt động hoặc đối tượng chịu chi phí**

### **1.2.3. Phân bổ chi phí các nguồn lực vào các hoạt động**

### **1.2.4. Phân bổ chi phí các hoạt động vào các đối tượng chịu chi phí**

## **1.3. SO SÁNH PHƯƠNG PHÁP ABC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ TRUYỀN THỐNG.**

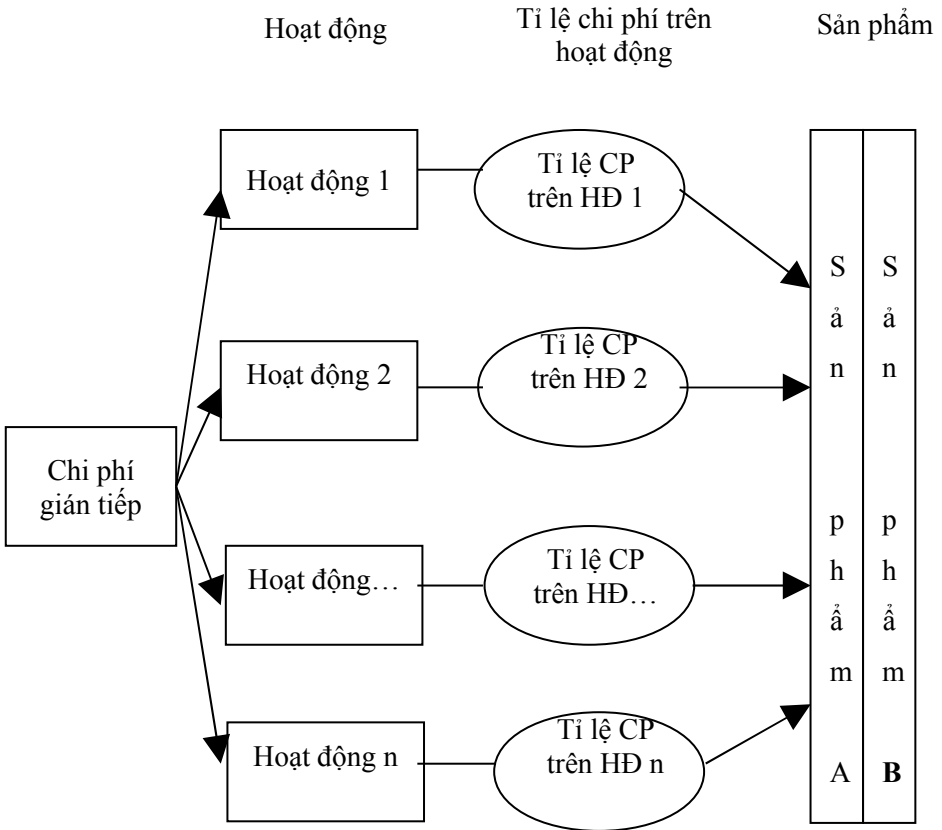
### **1.3.1. Mô hình tổng quan tập hợp chi phí**

Mô hình tổng quan tập hợp chi phí theo phương pháp truyền thống

## Mô hình tổng quan tập hợp chi phí theo phương pháp ABC

Giai đoạn 1: Tập hợp chi phí SXC theo các hoạt động

Giai đoạn 2: Phân bổ chi phí SXC của các hoạt động theo từng tiêu thức.



**Sơ đồ 1.5: Hai giai đoạn tính giá của phương pháp ABC**

**Nguồn: Peter.B.B.Turney (1996)[6].**

**3.2. Điểm giống và khác nhau giữa phương pháp ABC và phương pháp truyền thống.**

**a. Điểm giống nhau.**

- Tập hợp chi phí NVL: được tập hợp trực tiếp vào đối tượng tính giá thành.
- Chi phí nhân công: tiêu thức phân bổ chi phí gắn liền với số lượng sản xuất, hoặc kết hợp với định mức thời gian sản xuất sản phẩm.
- Có thể có cùng đối tượng tính giá thành

### ***b. Điểm khác nhau***

<b>Tiêu thức</b>	<b>Phương pháp tính giá truyền thống</b>	<b>Phương pháp ABC</b>
Đối tượng tập hợp chi phí	- Tập hợp dựa trên nơi phát sinh chi phí: phân xưởng, đội sản xuất hay toàn doanh nghiệp	- Tập hợp dựa trên hoạt động - Chỉ có một yếu tố làm thay đổi chi phí trong hoạt động đó
Đối tượng tính giá	Chỉ có một đối tượng: sản phẩm hay dịch vụ	Đa dạng, tùy theo mục đích: có thể là sản phẩm, chi tiết sản phẩm, hay chính một hoạt động
Tiêu chuẩn phân bổ	Dựa trên một trong nhiều tiêu thức: Giờ công, tiền lương,.....	Dựa trên yếu tố làm thay đổi chi phí hoạt động đó
Tính hợp lý và chính xác	Giá thành được tính hoặc quá cao hoặc quá thấp	Giá thành chính xác hơn, do vậy tin cậy trong việc ra quyết định nhờ sử dụng linh hoạt tiêu chuẩn phân bổ
Kiểm soát chi phí	Kiểm soát trên cơ sở trung tâm chi phí: phân xưởng, phòng, đơn vị	Kiểm soát chặt chẽ hơn theo từng hoạt động, cho phép những ưu tiên trong quản trị chi phí
Chi phí kế toán	Dễ thực hiện	Tương đối cao

## **1.4. ƯU ĐIỂM VÀ NHƯỢC ĐIỂM CỦA PHƯƠNG PHÁP ABC.**

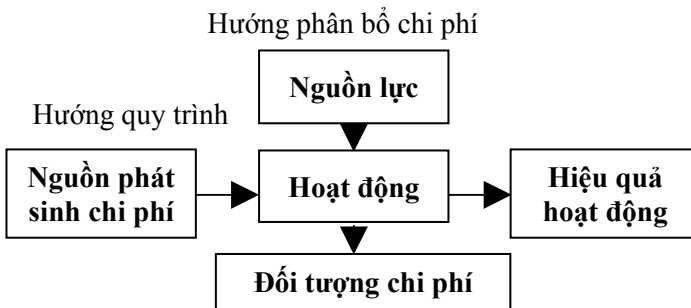
### **1.4.1. Ưu điểm của phương pháp ABC**

- Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ dựa trên mức độ hoạt động.
- Việc xác định giá thành chính xác hơn
- Cung cấp thông tin về quá trình và nguyên nhân phát sinh chi phí.
- Việc áp dụng phương pháp ABC còn góp phần hỗ trợ hoạt động marketing trong việc xác định cơ cấu sản phẩm cũng như chính sách giá.

#### 1.4.2. Nhược điểm của phương pháp ABC

- Tiêu tốn nhiều thời gian, chi phí.
- Một số trường hợp không tìm được hoặc khó tìm được nguyên nhân gây ra chi phí.
- Đòi hỏi sự hợp tác của nhiều bộ phận trong doanh nghiệp, sự ủng hộ của lãnh đạo doanh nghiệp cũng như nhân viên trong doanh nghiệp.

### 1.5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ VỚI VIỆC QUẢN TRỊ DỰA TRÊN HOẠT ĐỘNG (ABM – ACTIVITY BASE MANAGEMENT)



**Sơ đồ 1.6: Hai chiều hướng của phương pháp ABC**

*Nguồn Hasen và Mowen ( 2001).*

- Phương pháp ABC và ABM được Hasen và Mowen (2001) nhìn nhận dưới 2 chiều hướng.



- Phân tích nguyên nhân là việc xác định các nhân tố gốc rễ gây nên chi phí hoạt động.

- Phân tích hoạt động nào đem lại giá trị thì cần lựa chọn và giữ lại, đồng thời loại bỏ những hoạt động không tạo ra giá trị, nhằm tăng hiệu quả hoạt động cho đơn vị.

## **1.6. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI KHI ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC Ở VIỆT NAM**

### **1.6.1. Những thuận lợi**

- Hầu hết hệ thống ABC cung cấp một báo cáo toàn diện, dễ hiểu về những cấu trúc chi phí.

- Quản lý các hoạt động sẽ dẫn đến việc tái cấu trúc lại chuỗi giá trị với chi phí thấp nhất.

- Một số quy trình quản lý như: quản lý chất lượng, quản lý thời gian và quản lý năng lực sản xuất được thực hiện một cách dễ dàng hơn bởi một hệ thống ABC.

- Cơ sở phân bổ (cost driver) dựa trên những thủ tục rất chi tiết và hợp lý nên đảm bảo mức độ tin cậy rất cao vào chi phí.

- Thuận lợi quan trọng nhất của hệ thống ABC là sự hấp dẫn của nó với hệ thống xác định chi phí tiên bộ, phản ánh một cách riêng biệt, duy nhất và tính logic của các quy trình sản xuất kinh doanh.

### **1.6.2. Những khó khăn**

- Cơ sở lý luận về phương pháp ABC chưa được nhiều người biết đến, các tài liệu liên quan đến phương pháp này nếu muốn tìm hiểu một cách đầy đủ phải đọc các tài liệu tiếng nước ngoài. Do vậy gây khó khăn cho việc nghiên cứu, tìm hiểu của các doanh nghiệp.

- Các quy định của báo cáo tài chính về phản ánh báo cáo chi phí theo phương pháp ABC cũng như các thông tư hướng dẫn khác chưa có.

- Tâm lý của người Việt Nam nói chung là khó thay đổi với thói quen nên vẫn muốn theo phương pháp cũ, chưa mạnh dạn trong việc áp dụng phương pháp mới.

- Hệ thống ABC chắc chắn là phức tạp hơn nhiều so với phương pháp truyền thống

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Việc vận dụng phương pháp ABC thực sự rất cần thiết, nhất là trong điều kiện hiện nay khi mà các doanh nghiệp với xu hướng chi phí chung chiếm tỉ trọng ngày càng cao.

Tác giả cũng đã nhấn mạnh vào các yếu tố cần thiết để thực hiện thành công phương pháp ABC, đồng thời cũng nêu rõ vai trò quan trọng của việc thiết lập các hoạt động thông qua 5 cấp độ hoạt động khác nhau, nêu lên các quan điểm khác nhau của các học giả kinh tế trên thế giới về phương pháp ABC, các khái niệm cũng như các bước thực hiện của phương pháp tính giá này. Tác giả cũng đã so sánh được các điểm khác nhau và giống nhau giữa hai phương pháp là phương pháp truyền thống và phương pháp ABC, từ đó nêu lên được các ưu điểm và hạn chế của phương pháp ABC. Tác giả cũng đã đưa ra các yếu tố để thực hiện thành công phương pháp ABC và mối quan hệ giữa phương pháp tính giá ABC và việc quản trị dựa trên cơ sở hoạt động (ABM).

\*\*\*

## CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG VÀ CÔNG TÁC TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY NÚI THÀNH – QUẢNG NAM

### 2.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MAY – NÚI THÀNH

#### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Tên đầy đủ của Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY NÚI THÀNH

Tên giao dịch quốc tế: NUI THANH GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên gọi tắt: NUGAKCO

Trụ sở giao dịch: Khối 2 thị trấn Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

Tổ chức gia công hàng xuất khẩu

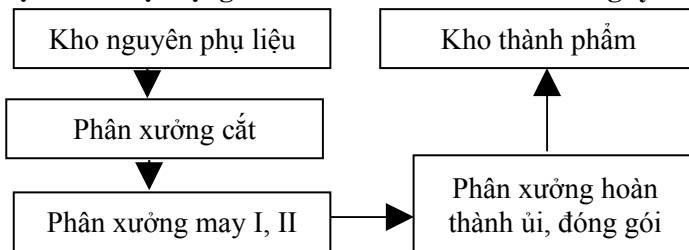
Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, được phép xuất khẩu hàng hóa.

#### 2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty

*a. Chức năng*

*b. Nhiệm vụ*

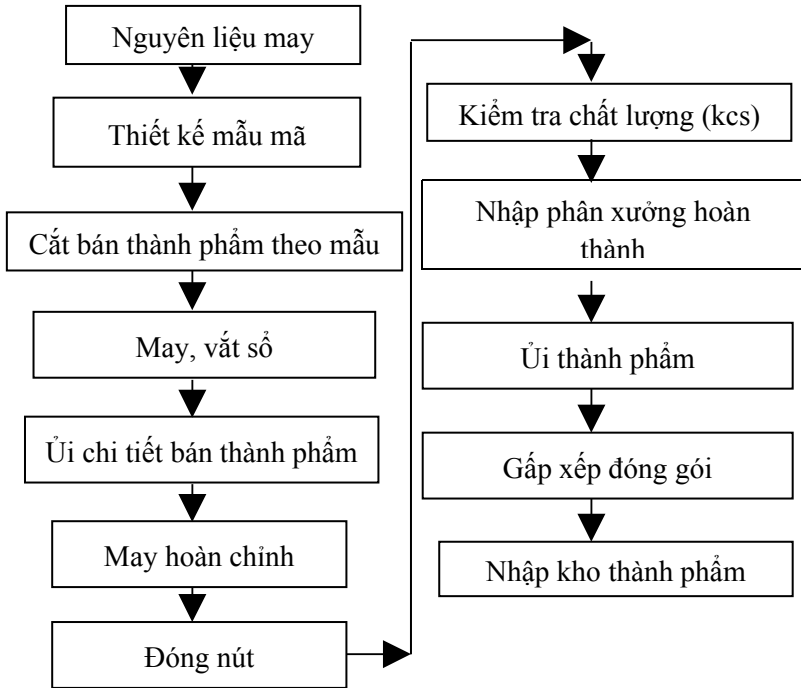
#### 2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty



*Sơ đồ 2.1: Tổng quát nhà xưởng*

### 2.4. Quy trình công nghệ và cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty

#### *a. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của Công ty*



**Sơ đồ 2.2: Quy trình công nghệ tổng quát sản xuất sản phẩm**

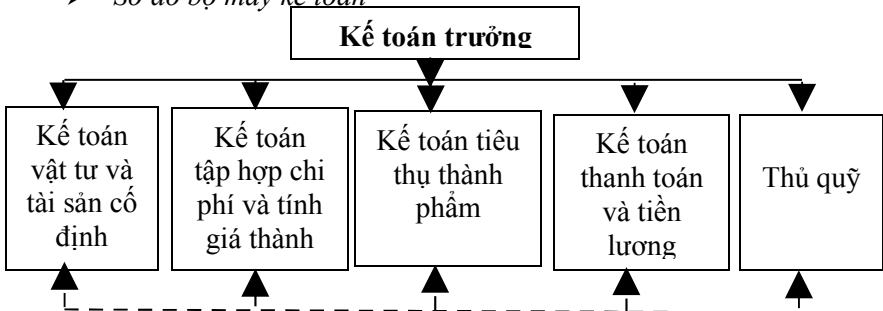
### **b. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty**

- Khái quát bộ máy quản lý của Công ty
- Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

### **2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty**

#### **a. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty**

- Sơ đồ bộ máy kế toán



**Sơ đồ 2.4: Bộ máy kế toán công ty**

- Chức năng và nhiệm vụ của từng phần hành kế toán

#### **b. Hình thức kế toán áp dụng ở Công ty**

- Sơ đồ hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty  
Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.
- Trình tự luân chuyển chứng từ và phương pháp ghi sổ

## **2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY NÚI THÀNH – QUẢNG NAM**

### **2.2.1. Đặc điểm chi phí sản xuất tại Công ty**

Do sản phẩm của công ty chủ yếu là sản phẩm may mặc xuất khẩu được sản xuất theo hợp đồng đã ký kết với khách hàng, nên chi phí sản xuất có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, với đặc điểm sản xuất sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết, kỹ thuật mẫu mã và vải do khách hàng cung cấp, nên chi phí về vải may sẽ không hạch toán vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Vì vậy, tính giá thành sản phẩm sẽ không bao gồm chi phí nguyên vật liệu do khách hàng giao.

Thứ hai, do Công ty nhận gia công sản phẩm nên chi phí nhân công sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của công ty.

Thứ ba, do tình hình thực tế tại Công ty mà chi phí sản xuất sản phẩm bao gồm nhiều loại rất đa dạng và phong phú để phù hợp với tình hình sản xuất tại Công ty.

### **2.2.2. Tổ chức quá trình tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất ở Công ty**

Trong tháng 05/2011 Công ty đã ký hợp đồng với khách hàng nhận gia công mặt hàng: Áo Jacket, quần short và váy.

Các sản phẩm trên có nhiều kích cỡ khác nhau, chi phí nguyên vật liệu chính là vải do khách hàng cung cấp, cho nên sự chênh lệch về

chi phí giữa các sản phẩm có kích cỡ khác nhau do Công ty bỏ ra là không đáng kể. Chính vì vậy mà Công ty xem như cùng kích cỡ.

**a. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Do đặc điểm sản xuất của công ty là chuyên may gia công theo hợp đồng với khách hàng nên vải và các vật liệu chính chủ yếu do khách hàng cung cấp. Công ty chỉ bỏ ra một phần chi phí về vật liệu nên chi phí NVL do Công ty bỏ ra chiếm tỷ trọng rất ít. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: gồm chi phí vận chuyển giao nhận nguyên vật liệu của khách hàng về nhập kho của công ty và chi phí Chỉ may.

- Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu xuất kho, phiếu chi.
- + Sổ chi tiết tài khoản 621
- + Bảng phân bổ chi phí NVLTT.

**b. Đối với chi phí nhân công trực tiếp**

Chi phí nhân công trực tiếp là khoản thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm như: công nhân thực hiện cắt vải, công nhân may (ráp), vắt sổ,... kể cả các tổ trưởng ở các phân xưởng. Ngoài ra chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm các khoản trích theo lương của các nhân viên nói trên.

Ở Công ty, chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN được tính như sau:

- Quỹ BHXH: trích 16% trên tổng quỹ lương cơ bản của công nhân trực tiếp sản xuất được tính vào chi phí sản xuất.

- Quỹ BHYT: trích 3% trên tổng quỹ lương cơ bản, tính vào chi phí sản xuất.

- KPCĐ: trích 2% trên tổng quỹ lương thực trả cho công nhân trực tiếp sản xuất, tính vào chi phí sản xuất.

- BHTN: được hình thành 1% trên tổng quỹ lương cơ bản, tính vào chi phí sản xuất.

Ta có bảng tỷ lệ tính BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN như sau:

Tỷ lệ trích	Trong đó	
	Trích vào chi phí SX	Khấu trừ vào TL người lao động
KPCĐ	2%	0%
BHXH	16%	6%
BHYT	3%	1,5%
BHTN	1%	1%
<b>Cộng</b>	<b>22%</b>	<b>8,5%</b>

- Kế toán căn cứ vào các chứng từ sau để tính lương và hạch toán  
 + Căn cứ vào phiếu xác nhận thành phẩm  
 + Căn cứ vào tỷ trọng tiền lương của từng bộ phận trong tổng tiền lương để phân bổ cho từng bộ phận.

### **c. Đối với chi phí sản xuất chung**

- Tại Công ty cổ phần may Núi Thành, chi phí sản xuất chung bao gồm:

+ Chi phí nhân viên phân xưởng: tiền lương, các khoản trích theo lương của cán bộ nhân viên phân xưởng.

+ Chi phí phụ liệu: gồm phụ liệu xuất dùng cho sản xuất trong phân xưởng như xuất răng cưa, ốc vít, dây curoa....

+ Chi phí dụng cụ sản xuất: gồm công cụ dụng cụ xuất dùng trong phân xưởng như: thước dây, bút bi, phấn sáp.....

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: gồm khấu hao TSCĐ dùng ở phân xưởng: nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất....

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm chi phí điện, chi phí phục vụ tiếp khách, chi phí lưu kho, lao vụ....

- Các chứng từ và sổ sử dụng
- + Các hoá đơn liên quan đến dịch vụ mua ngoài
- + Phiếu xuất kho CCDC, bảng tính khấu hao TSCĐ
- + Sổ chi tiết tài khoản 627
- + Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung

### **2.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty may Núi Thành**

#### **a. Đánh giá sản phẩm dở dang ở Công ty**

Với đặc điểm của Công ty là may gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng nên việc tính giá thành là từng loại sản phẩm theo hợp đồng hoàn thành. Chính vì vậy mà công ty không đánh giá sản phẩm dở dang.

#### **b. Tính giá thành sản phẩm ở Công ty**

Công ty tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành từng loại sản phẩm theo hợp đồng.

Tổng giá thành  
hợp đồng hoàn  
thành = GTSPDD đầu kỳ + CPSX phát sinh  
trong kỳ

### **2.2.4. Đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần may Núi Thành**

#### **a. Ưu điểm:**

- Hệ thống sổ kế toán chi tiết phù hợp với đặc điểm sản xuất tại Công ty.
- Công ty đã tổ chức bộ phận thống kê phân xưởng
- Việc tính giá thành ít tốn thời gian

#### **b. Nhược điểm:**



- Công ty chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc phân loại chi phí.

- Qui trình sản xuất trải qua nhiều công đoạn nhưng Công ty không quan tâm đến đặc điểm này trong quá trình tập hợp chi phí sản xuất.

- Công ty phân bổ chi phí chỉ dựa trên một tiêu thức đó là “doanh thu” (giá trị hợp đồng). Điều này có thể làm cho một số sản phẩm có doanh thu cao nhưng chi phí thực tế sử dụng lại thấp, dẫn đến việc tính giá thành sản phẩm không chính xác.

- Công ty chưa tổ chức khoa học các báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, chưa phân tích sự biến động về chi phí phục vụ quản trị Công ty.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Chương II, luận văn trình bày những đặc điểm về cơ cấu tổ chức và công tác kế toán nói chung ở Công ty cổ phần may Núi Thành. Luận văn đã tập trung làm rõ phương pháp tính giá thành mà Công ty đang áp dụng. Đối với các chi phí sản xuất chung, Công ty đã phân bổ cho từng loại sản phẩm theo doanh thu nên xảy ra tình trạng một số loại sản phẩm có doanh thu cao nhưng chi phí sản xuất chung thực tế sử dụng lại thấp do đó giá thành sản phẩm không chính xác, ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh cũng như hiệu quả của Công ty. Chính vì những vấn đề đó mà Công ty nên áp dụng phương pháp mới, đó là phương pháp ABC, phương pháp mới khắc phục được những nhược điểm của phương pháp cũ tuy nhiên phương pháp mới cũng có những mặt hạn chế nhất định của nó.

\*\*\*

### **CHƯƠNG 3: VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC VÀO CÔNG TY CỔ PHẦN MAY NÚI THÀNH**

#### **3.1. CƠ SỞ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY NÚI THÀNH**

##### **3.1.1. Khả năng vận dụng phương pháp ABC tại Công ty cổ phần may Núi Thành.**

- Hiện nay tại Công ty với đội ngũ công nhân viên lành nghề, có kinh nghiệm quản lý trong nhiều năm, có trình độ nghiệp vụ cao và có khả năng tiếp nhận những tiến bộ khoa học công nghệ. Đa số cán bộ quản lý, kỹ thuật là trình độ đại học, Công ty luôn tạo điều kiện để nâng cao trình độ, năng lực cán bộ của mình, cũng như bố trí nhân sự một cách hợp lý, đúng người đúng việc

- Đặc biệt đội ngũ kế toán có kinh nghiệm qua nhiều năm và trình độ nghiệp vụ luôn được bồi dưỡng, có thể đáp ứng các yêu cầu đặt ra.

- Hiện nay, tại Công ty đã tổ chức được bộ phận thống kê phân xưởng có nhiệm vụ theo dõi những vấn đề phát sinh tại nơi sản xuất là điều kiện để quản lý chi phí và hạch toán một cách chính xác các chi phí, là tiền đề không thể thiếu trong việc xác định tiêu thức phân bổ một cách hợp lý đối với những chi phí gián tiếp của hoạt động cho sản phẩm cuối cùng

- Các sản phẩm sản xuất trải qua nhiều công đoạn, các công đoạn được phân công cho từng phân xưởng rất rõ ràng giúp cho việc tập hợp cho từng phân xưởng và tìm ra nguồn phát sinh chi phí chính xác hơn.

- Đặc điểm sản xuất của Công ty là may gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng với khách hàng, chi phí nguyên vật liệu chính do khách hàng bỏ ra là chủ yếu, cho nên trong tổng giá thành sản phẩm

thì chi phí gián tiếp do công ty bỏ ra chiếm tỷ trọng lớn. Chính vì điều này mà Công ty cần phải áp dụng phương pháp ABC

### **3.1.2. Lựa chọn mô hình ABC cho Công ty Cổ phần may Núi Thành Quảng Nam**

Luận văn vận dụng có cải tiến mô hình tính giá dựa trên cơ sở hoạt động của Narcyz Rozocki (1999), mô hình này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp, nó phụ thuộc đặc điểm qui trình sản xuất và tổ chức sản xuất.

Giai đoạn thứ nhất, phân bổ hoặc kết chuyển chi phí cho các hoạt động: trong giai đoạn này, các chi phí gián tiếp được nhận diện, sau đó hoạt động tiêu dùng các nguồn lực được xác định, các hoạt động tương tự tiêu dùng cùng nguồn lực như nhau có thể được nhóm lại thành một trung tâm hoạt động. Nếu chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động nào thì tính trực tiếp cho hoạt động đó, nếu chi phí liên quan đến nhiều hoạt động thì cần xác định nguồn phát sinh chi phí để phân bổ chi phí cho từng hoạt động.

Giai đoạn thứ hai, phân bổ chi phí cho các đối tượng chi phí. Trong giai đoạn này, nếu một hoạt động được tiêu dùng cho một đối tượng chi phí thì toàn bộ chi phí tập hợp cho hoạt động được kết chuyển cho đối tượng chi phí. Nếu một hoạt động được tiêu dùng bởi nhiều đối tượng chi phí thì cần xác định nguồn phát sinh chi phí làm căn cứ phân bổ chi phí của hoạt động cho từng đối tượng chi phí.

## **3.2. TỔ CHỨC VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC Ở CÔNG TY CỔ PHẦN MAY NÚI THÀNH QUẢNG NAM**

### **3.2.1. Phân tích quá trình sản xuất tại Công ty thành các hoạt động**

Việc phân tích và xác định được hoạt động trong Công ty là bước đầu tiên và rất quan trọng, vì nó ảnh hưởng đến quá trình tổ chức cũng như công tác tập hợp chi phí theo hoạt động và tính giá thành. Qua việc phân tích qui trình sản xuất tại Công ty (chương 2), phỏng vấn, thu thập số liệu chi tiết, tổng hợp, có thể rút ra các kết luận phục vụ cho công tác xác định các hoạt động tại Công ty:

- Sản phẩm của Công ty bao gồm: Áo Jacket, quần Short, Váy.

- Dựa vào qui trình sản xuất của Công ty, có thể phân chia quá trình sản xuất thành các hoạt động sau:

Hoạt động cắt, hoạt động vắt sổ, hoạt động may (ráp), hoạt động ủi, hoạt động đóng nút, hoạt động kiểm tra chất lượng, hoạt động gấp xếp, đóng gói, hoạt động hỗ trợ chung.

### **3.2.2. Kế toán phân bổ chi phí sản xuất trực tiếp cho từng loại sản phẩm**

#### ***a. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Thực tế hiện nay, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp do Công ty bỏ ra chủ yếu gồm chi may và chi phí vận chuyển nguyên vật liệu nhận gia công, tại Công ty không tập hợp riêng cho từng loại sản phẩm mà tập hợp chung sau đó phân bổ chi phí cho từng loại sản phẩm theo doanh thu (giá trị hợp đồng). Đối với chi phí nguyên vật liệu chi may thì phải tính theo định mức tiêu hao (do phòng kỹ thuật cung cấp), còn đối với chi phí vận chuyển nguyên vật liệu về gia công thì phân bổ theo định mức tiêu hao vật liệu vải.

#### ***b. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp***

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất. Đối với chi phí này

không chỉ phụ thuộc vào đơn giá lương mà còn phụ thuộc vào định mức công lao động.

**c. Kế toán chi phí sản xuất chung**

Với đặc điểm chi phí sản xuất chung là chi phí liên quan đến nhiều sản phẩm, nhiều hoạt động ta không thể tính trực tiếp cho từng sản phẩm được. Chính vì vậy ta áp dụng từ mô hình trên cho chi phí: khấu hao tài sản cố định, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí điện,... gắn với các hoạt động.

**Bảng 3.17. Chi phí gián tiếp và nguồn phát sinh chi phí**

<b>Chi phí</b>	<b>Nguồn phát sinh chi phí</b>
Chi phí nhân viên phân xưởng	Chi phí nhân công trực tiếp
Chi phí NVL dùng chung cho PX	Hoạt động hỗ trợ chung
Chi phí công cụ dụng cụ	Cho từng hoạt động
Chi phí khấu hao TSCĐ	Cho từng hoạt động
Chi phí tiền điện	Số KWh điện sử dụng
Chi phí bằng tiền khác	Hoạt động hỗ trợ chung

➤ **Xác định chi phí cho từng hoạt động**

Sử dụng ma trận chi phí – hoạt động (EAD)

**3.2.3. Xác định chi phí hoạt động cho từng loại sản phẩm và tính giá thành**

**a. Xác định chi phí hoạt động cho từng sản phẩm.**

Sau khi chi phí của từng hoạt động được xác định, chi phí từ các hoạt động được kết chuyển hay phân bổ cho từng sản phẩm thể hiện qua ma trận Hoạt động - Sản phẩm (APD) .

**b. Tính giá thành cho từng loại sản phẩm.**

Sau khi chi phí trực tiếp sản xuất và chi phí gián tiếp sản xuất của từng loại sản phẩm được xác định, ta tiến hành tính giá thành.

### **3.2.4. So sánh giá thành theo phương pháp ABC và theo phương pháp hiện tại của Công ty Cổ phần may Núi Thành**

Qua việc tính toán và phân tích giữa 2 phương pháp ta có thể nhận thấy sự khác biệt rất rõ là do tiêu thức được lựa chọn để phân bổ chi phí sản xuất chung tại Công ty là theo doanh thu. Qua quy trình sản xuất đã đề cập trong chương 2, hầu hết các sản phẩm đi qua nhiều giai đoạn tương tự nhau và cũng tiêu hao nhiều nguồn lực. Đối với khoản mục chi phí sản xuất chung, các chi phí này có nguồn phát sinh chi phí khác nhau. Vì vậy, khi phân bổ chi phí chung cho các sản phẩm không chỉ đơn thuần dựa vào một tiêu thức là doanh thu mà phải lựa chọn nhiều tiêu thức phân bổ mới bảo đảm cho giá thành chính xác hơn. Điều này chứng tỏ nếu áp dụng phương pháp tính giá ABC sẽ phản ánh đúng hơn giá thành cho từng loại sản phẩm.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Qua chương 3, luận văn cho thấy sự cần thiết của việc áp dụng phương pháp tính giá ABC tại Công ty cổ phần may Núi Thành. Qua đặc điểm về quy trình sản xuất, tác giả đã nêu bật được khả năng vận dụng phương pháp tính giá ABC ở Công ty cổ phần may Núi Thành. Với việc quan sát trực tiếp tại phân xưởng, tác giả đã phân tích thấy được những điều kiện thuận lợi và tìm ra nguồn sinh phí cho các hoạt động. Từ đó tác giả lựa chọn tiêu thức phân bổ để tiến hành phân bổ chi phí của các hoạt động vào từng loại sản phẩm. Tác giả đã vận dụng phương pháp tính giá ABC vào Công ty cổ phần may Núi Thành, qua đó đã so sánh kết quả giữa phương pháp tính giá ABC và phương pháp tính giá truyền thống hiện tại ở Công ty. Kết quả so sánh cho thấy phương pháp tính giá ABC đã xác định giá thành từng loại sản phẩm được chính xác hơn.

## KẾT LUẬN



Xu thế hội nhập, liên kết phát triển kinh tế trong khu vực và tiến tới toàn cầu hóa kinh tế ngày càng ở mức độ cao là tất yếu khách quan, một mặt tạo cơ hội cho nước ta có thể phát triển nhanh về kinh tế trên cơ sở tiếp cận những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin. Mặt khác là xuất hiện thách thức lớn từ sức ép cạnh tranh của hàng hóa dịch vụ nước ngoài tăng mạnh, do đó nếu chỉ dựa vào kinh nghiệm quản lý trong phạm vi hẹp là một doanh nghiệp, một vùng hay một lãnh thổ thì rất khó để kiểm soát và đánh giá được các hoạt động của doanh nghiệp khi mà yếu tố cạnh tranh đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn không ngừng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm nhất là phải mở rộng thị trường không chỉ trong phạm vi của một quốc gia mà là thị trường quốc tế.

Nước ta đang trong giai đoạn cuối của lộ trình gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), sức ép cạnh tranh rất lớn đang đặt ra cho các doanh nghiệp Việt Nam, đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải có một chiến lược phát triển lâu dài trong đó phải xem kế toán quản trị là một công cụ hữu hiệu cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong bối cảnh mới.

Trong luận văn này, tác giả tiếp cận phương pháp ABC dưới góc độ phân bổ chi phí, trên cơ sở đó đề xuất vận dụng vào thực tế tại Công ty cổ phần May Núi Thành – Quảng Nam nhằm nâng cao chất lượng thông tin mà kế toán quản trị cung cấp.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

[1] PGS TS Phạm Văn Dược (2006), *Kế toán quản trị*, Nxb Thống Kê, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2002), *Kế toán quản trị*, Nxb Thống Kê, thành phố Hồ Chí Minh.

[3] PGS.TS. Trương Bá Thanh, *Kế toán quản trị*, Đại học Kinh tế Đà Nẵng, năm 2008

[4] Nguyễn Việt (1997), Lợi ích của việc tính giá thành theo phương pháp ABC. Tạp chí phát triển kinh tế, trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, số 82 tháng 08/1997.

### TÀI LIỆU TIẾNG ANH

[5] Charles T. Horngren, Srikant M.Datar, George Foster (2003) *Cost Accounting – A Managerial Emphasis*, 11<sup>th</sup> Edition. Prentice Hall, Upper Saddle River.

[6] Peter B.B. Turney (1999), *Easy ABC Quick Tutorial*, 2<sup>nd</sup> Edition, Darden School, University of Virginia and Cost Technology, Inc.

[7] Rober S.Kaplan, Anthony A.Atkinson (1998), *Advanced Manangement Accounting*, Prentice Hall International, Inc.

[8] Rober S.Kaplan; Robin Cooper and H.Thomas Johnson (1998), *Cost \$ Effect*, Harvard Business School Press.